

Hà Trung, ngày tháng năm 2014

**THUYẾT MINH TÓM TẮT ĐỀ ÁN
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TRUNG TÂM XÃ HÀ LONG TRỰC THUỘC HUYỆN
HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI V**

CHƯƠNG 1. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT

Xã Hà Long nằm về phía Tây Bắc huyện Hà Trung, được xác định để phát triển thành đô thị loại V, thuộc mạng lưới đô thị tỉnh Thanh Hóa, cách trung tâm thị trấn huyện lỵ khoảng 15 km, có vị trí thuận lợi, nằm trên trục đường tỉnh lộ 522 và đường bộ cao tốc xuyên Việt (dự kiến) chạy qua, rất thuận tiện cho việc giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội của vùng – huyện - tỉnh và quốc gia.

Nhằm cụ thể hóa đề án Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị toàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Hà Trung đến năm 2020; Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã Hà Long khóa XXVI - nhiệm kỳ 2010 - 2015. Đề án xây dựng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến 2025 đạt mục tiêu đô thị hóa 25%. Phấn đấu xây dựng đô thị mới Hà Long đạt các tiêu chí đô thị loại V gắn với xây dựng mô hình nông thôn mới. Xây dựng đô thị mới Hà Long thành đô thị Dịch vụ – Du lịch văn hóa lịch sử, sinh thái, gắn với việc bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn). Và là đô thị vệ tinh của thị xã công nghiệp Bỉm Sơn.

Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hà Long, huyện Hà trung tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đã được phê duyệt Quy hoạch tại quyết định 3477/QĐ - UBND ngày 4/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Về cơ bản định hướng đầu tư phát triển đô thị đáp ứng được các tiêu chuẩn đô thị loại V.

Việc lập đề án công nhận xã-Hà Long huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại V phù hợp với định hướng phát triển đô thị quốc gia, định hướng phát triển đô thị của tỉnh, phù hợp với sự phát triển kinh tế của Khu kinh tế động lực phía Bắc của Thanh Hóa.

CHƯƠNG 2. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Huyện Hà Trung được hình thành từ rất sớm, là một trong những cái nôi của dân tộc Việt Nam: Thời thuộc Hán, là miền đất thuộc huyện Dư Phát. Thời Tam Quốc - Lưỡng Tấn - Nam Bắc triều, là miền đất thuộc huyện Kiến Sơ. Thời Tùy - Đường, là miền đất thuộc huyện Nhật Nam và một phần thuộc huyện Sùng Bình. Thời Trần - Hồ, huyện Hà Trung thuộc châu ái, trấn Thanh Đô; phần đất phía Bắc

huyện Hà Trung ngày nay nằm trong huyện Tống Giang, thuộc châu Ái. Thời thuộc Minh, là phần đất chủ yếu của huyện Tống Giang. Thời Lê, đổi Tống Giang thành Tống Sơn và đặt phủ Hà Trung gồm 4 huyện : Tống Sơn, Hoàng Hoá, Hậu Lộc, Nga Sơn. Trong đó, huyện Tống Sơn là huyện Hà Trung ngày nay. Thời Nguyễn, huyện Tống Sơn do phủ Hà Trung kiêm lý. Tống Sơn là đất xuất tích của triều Nguyễn. Năm Gia Long thứ 3, Tống Sơn được gọi là quý huyện, Gia Miêu được gọi là quý hương. Về sau, huyện Tống Sơn được đổi thành phủ Hà Trung.

Sau năm 1945, phủ Hà Trung được đổi thành huyện Hà Trung. Năm 1977, sáp nhập hai huyện Hà Trung và Nga Sơn thành huyện Trung Sơn. Năm 1982, lại tách thành hai huyện như trước đây và lấy lại tên huyện Hà Trung, tách một phần đất của huyện để thành lập thị xã Bim Sơn, trực thuộc tỉnh.

Hà Trung có một truyền thống lịch sử lâu đời với những di tích lịch sử, văn hoá nổi tiếng như: quần thể lăng miếu triều Nguyễn, Ly cung nhà Hồ, chùa Long Cảm, chùa Ban Phúc, đền Hàn Sơn,... Những di tích đó không chỉ góp phần làm đẹp cho vùng đất Hà Trung, mà còn là tiềm năng phát triển du lịch - văn hoá.

Xã Hà Long là trung tâm của vùng kinh tế Tây Bắc huyện Hà Trung, nằm liền kề với thị xã công nghiệp Bim Sơn và thị trấn công nghiệp Vân Du – Thạch Thành. Là đầu mối giao thông quốc gia, vùng, tỉnh đi qua, (tỉnh lộ 522, đường bộ cao tốc Bắc Nam, dự kiến đầu tư có điểm giao cắt giữa đường cao tốc với Tỉnh lộ 522) rất thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa, phát triển kinh tế xã hội- khoa học kỹ thuật và phát triển đô thị. Đã đầu tư xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng xã hội cấp xã và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, thông tin liên lạc). Đã và đang đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phía đông, gắn với khu công nghiệp Bim Sơn. Có nguồn tài nguyên khoáng sản với trữ lượng lớn phục vụ cho sản xuất vật liệu xây dựng(hiện đang khai thác 87,22ha). Có cảnh quan tự nhiên đẹp, hấp dẫn, có nhiều các di tích lịch sử văn hóa, được xếp hạng: 3 di tích quốc gia, 4 di tích cấp tỉnh (tiêu biểu nhất là: Đình Gia Miêu và lăng miếu Triệu Tường). Là đầu mối giao lưu kinh tế (có tiềm năng phát triển dịch vụ thương mại, giao lưu hàng hoá và các sản phẩm nông sản), văn hoá giữa huyện Hà Trung và các huyện lân cận.

Xã Hà Long đã hình thành 13 thôn, một số khu dân cư dọc tỉnh lộ 522 đã có nếp sống, sinh hoạt, dịch vụ, theo mô hình đô thị, bộ mặt đô thị đã được hiện hình rõ nét. Quỹ đất có đủ điều kiện đáp ứng cho yêu cầu đầu tư, phát triển đô thị lâu dài, diện tích tự nhiên hiện có của xã: 4.726,32 ha. Có tiềm năng dân số, lao động, một nhân tố cơ bản đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, là tiềm năng động lực để xây dựng xã Hà Long thành đô thị, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và cả vùng, Tỉnh nói chung.

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

3.1. Vị trí, vị thế xã Hà Long:

3.1.1. Tổng quan chung:

Xã Hà Long nằm về phía Tây Bắc huyện Hà Trung, được xác định để phát triển thành đô thị loại V, thuộc mạng lưới đô thị tỉnh Thanh Hóa, cách trung tâm thị trấn huyện lỵ khoảng 15 km, cách trung tâm tỉnh khoảng 40km có vị trí thuận lợi, nằm trên trục đường tỉnh lộ 522 và đường bộ cao tốc xuyên Việt (dự kiến) chạy qua, rất thuận tiện cho việc giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội của vùng - huyện - tỉnh và quốc gia. Xã có ranh giới tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông : giáp phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn;
- + Phía Tây : giáp xã Thành Tâm, huyện Hà Trung;
- + Phía Nam : giáp xã Hà Giang, xã Hà Bắc, huyện Hà Trung;
- + Phía Bắc : giáp xã Quang Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình;

Tổng diện tích tự nhiên là: **4.726,32 ha**.

Cùng với sự phát triển chung của tỉnh Thanh Hóa, xã Hà Long có nhiều tiềm năng lợi thế trong phát triển kinh tế và hình thành đô thị: Hà Long nằm về cực Tây Bắc của huyện Hà Trung và nằm liền kề với thị xã công nghiệp Bim Sơn và đô thị công nghiệp Vân Du, huyện Hà Trung (theo trục tỉnh lộ 522); Là đô thị có nhiều di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng (3 di tích quốc gia, 4 di tích cấp tỉnh). Là di tích Quốc Miếu nhà Nguyễn, di sản văn hóa và lịch sử của quốc gia và địa phương, là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học về lịch sử kiến trúc. Là địa phương có nhiều cảnh quan tự nhiên hấp dẫn, có đồi núi, sông suối, hồ đập, khí hậu trong lành.

Với vai trò, Vị trí địa lý đã tạo điều kiện cho xã Hà Long có điều kiện khai thác hiệu quả tiềm năng là đô thị dịch vụ, du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái, gắn với bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn); Là đô thị vệ tinh của Vùng và thị xã công nghiệp Bim Sơn.

Nhìn chung, xã Hà Long có môi trường sinh thái tương đối tốt. Đất, nước, không khí trong lành. Trong những năm gần đây do sự phát triển mạnh của kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa đã bắt đầu có sự thay đổi về cảnh quan, môi trường. Vấn đề cấp, thoát nước, rác thải trong khu dân cư đang là vấn đề được quan tâm. Do đó trong tương lai cần quy hoạch thành vùng phát triển cụm công nghiệp dịch vụ, có kế hoạch, có giải pháp xử lý chất thải bảo vệ môi trường trong sạch đảm bảo cho sức khỏe của nhân dân.

Điều kiện tự nhiên của xã Hà Long có nhiều thuận lợi trong việc xây dựng

các công trình phúc lợi, hạ tầng cơ sở, tiếp xúc với các thành tựu khoa học kỹ thuật bên ngoài dễ dàng nhanh, nhạy. Đường xã đi lại thuận lợi, đó là cơ sở để xã tạo đà phát triển nền kinh tế - xã hội.

3.1.2. Về cơ cấu hành chính và quản lý hành chính toàn xã Hà Long:

Toàn xã có 12 thôn và 1 nông trường với tổng diện tích là 4726,32 ha, dân cư được phân bố hài hòa và liên kết với nhau bằng đường liên thôn, liên xóm thuận tiện cho sản xuất và quản lý xã hội.

- Tổng dân số toàn xã Hà Long năm 2013 là 9.656 khẩu với 2.405 hộ; tỷ lệ phát triển dân số là 0,65%.
- Các thôn bao gồm: Thôn Gia Miêu, Gia Miêu1, Gia Miêu2, Hoàng Vân, Yên Vỹ, Đông Bình, Đông Quảng, Đồng Hậu, Đồng Toàn, Khắc Dụng, Nghĩa Dũng, Đại Sơn, Nông Trường.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền xã đang được củng cố kiện toàn. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức hầu hết có trình độ từ trung cấp đến đại học, được bố trí làm việc đúng năng lực, sở trường; cán bộ lãnh đạo các cấp đơn vị được đào tạo cơ bản về lý luận chính trị, năng lực chuyên môn. Hiện nay, xã đang tiếp tục thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành để bộ máy chính quyền hoạt động có hiệu quả hơn trong giai đoạn mới.

3.1.3. Về quy mô đất đai toàn xã:

Tổng diện tích đất tự nhiên là 4726,32 ha phân bổ cho các mục đích sử dụng như sau:

- Đất nông nghiệp: 2355,46 ha, chiếm 49,84% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp: 1200,78 ha, chiếm 25,41% tổng diện tích đất tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng: 1170,08 ha, chiếm 24,76% tổng diện tích đất tự nhiên.

3.2. Khu vực dân cư tập trung trung tâm xã (đô thị mới Hà Long):

3.2.1. Vị Trí:

Khu trung tâm xã Hà Long thuộc địa giới quản lý hành chính xã Hà Long đã lập quy hoạch chung phát triển đô thị và được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số: 3477/QĐ-UBND ngày 04/10/2013. Đô thị dự kiến hình thành phát triển về 2 phía tỉnh lộ 522, lấy về mỗi phía 500m ÷ 1000m, phía Đông đường cao tốc đến địa giới hành chính xã, phía Tây đường cao tốc lấy đến thôn Đông Bình (Theo ranh giới QHC đô thị mới Hà Long) Vị trí được xác định:

- + Phía Đông : giáp xã Hà Bắc;
- + Phía Tây : giáp đồi Cao Các, thôn Đông Quảng;
- + Phía Nam : giáp xã Hà Giang, xã Hà Bắc, huyện Hà Trung;
- + Phía Bắc : giáp Núi Thiên Tôn, Hồ Bến Quân;

Tổng diện tích tự nhiên là: **671,8 ha.**

Bao gồm 11 thôn dân cư được phân bố tập trung tại khu vực trung tâm thuận tiện cho sản xuất và quản lý xã hội

- 11 Thôn bao gồm: Thôn Gia Miêu, Gia Miêu1, Gia Miêu2, Hoàng Vân, Đồng Toàn, Đại Sơn. Và một phần các thôn: Yên Vỹ, Đông Bình, Đồng Hậu, Khắc Dụng, Nghĩa Dũng.

3.3. Tình hình phát triển kinh tế:

Với lợi thế về vị trí, tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực, yếu tố lịch sử văn hóa truyền thống, đặc biệt là sự phát triển dịch vụ và du lịch, xã Hà Long được xác định là một trong những trung tâm phát triển kinh tế - văn hóa, có vai trò quan trọng trong việc tạo động lực thúc đẩy sự phát triển chung cả huyện Hà Trung cũng như toàn tỉnh Thanh Hóa. Trong những năm qua, kinh tế - xã hội xã đã phát triển khá nhanh, đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

3.4.1. Về cơ cấu, tốc độ tăng trưởng kinh tế:

- Tổng số vốn đầu tư phát triển ước đạt: 104.324 tr.đ (KH101.277 tr.đ).
- Thu Ngân sách: Thu ngân sách tăng 3% so với chỉ tiêu huyện giao (KH2-3%).
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt: 15,1%
- Cơ cấu kinh tế:

+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản:	33 % (KH: 33)
+ Công nghiệp, xây dựng cơ bản:	24 %(KH: 23)
+ Dịch vụ:	43 %(KH: 44)
- Đầu tư xây dựng 22,013km đường GTNT, GTNB . (KH: 10,6 km).
- Ổn định tỷ lệ phát triển dân số dưới mức 0,65%.
- Thu nhập bình quân đầu người ước đạt: 23,1 triệu đồng. (KH 22tr.đ)
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 8.8%. Đạt 124% KH

3.4. Về dân số:

Dân số thường trú toàn xã Hà Long năm 2013: **9.656 người.**

Dân số khu trung tâm xã (Đô thị mới Hà Long) năm 2013: **8.231 người.**

CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI V

4.1. Cách tính điểm đánh giá phân loại đô thị

4.1.1. Nguyên tắc tính điểm:

- a. Tổng số điểm 6 tiêu chuẩn phải đạt tối thiểu 70/100 điểm
- b. Từng chỉ tiêu trong mỗi tiêu chuẩn được tính điểm theo phương pháp nội suy trong khoảng giữa mức quy định tối đa và tối thiểu. Không tính ngoại suy khi vượt quá mức quy định và tính điểm 0 cho các chỉ tiêu không đạt mức quy định tối thiểu.

4.1.2. Điểm tối đa mỗi tiêu chuẩn :

- Tiêu chuẩn I: Chức năng đô thị, đạt tối đa 15 điểm.
- Tiêu chuẩn II: Quy mô dân số toàn đô thị, đạt tối đa 10 điểm.
- Tiêu chuẩn III: Mật độ dân số đô thị, đạt tối đa 5 điểm.
- Tiêu chuẩn V: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, đạt tối đa 5 điểm.
- Tiêu chuẩn V: Hệ thống công trình hạ tầng đô thị, đạt tối đa 55 điểm.
- Tiêu chuẩn VI: Kiến trúc, cảnh quan đô thị, đạt tối đa 10 điểm.

4.2. Tiêu chuẩn 1: Chức năng đô thị

Tiêu chuẩn này được xem xét đánh giá dựa trên các yếu tố: vị trí, tính chất và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đô thị.

Vị trí, vai trò và tính chất của đô thị (Đạt 3,5/5 điểm)

a. Vị trí, vai trò của đô thị:

Đô thị Hà Long nằm về cực Tây Bắc của huyện Hà Trung và nằm liền kề với thị xã công nghiệp Bim Sơn và đô thị công nghiệp Vân Du, huyện Hà Trung (theo trục tỉnh lộ 522); Xã Hà Long là một xã trung du miền núi nằm phía Tây Bắc huyện Hà Trung, cách trung tâm huyện khoảng 12km, cách trung tâm tỉnh khoảng 40km. Là đô thị có nhiều di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng (3 di tích quốc gia, 4 di tích cấp tỉnh). Là di tích Quốc Miếu nhà Nguyễn, di sản văn hóa và lịch sử của quốc gia và địa phương, là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học về lịch sử kiến trúc. Là địa phương có nhiều cảnh quan tự nhiên hấp dẫn, có đồi núi, sông suối, hồ đập, khí hậu trong lành.

Là đầu mối giao thông quốc gia, vùng, tỉnh đi qua, (tỉnh lộ 522, đường bộ cao tốc Bắc Nam, dự kiến đầu tư có điểm giao cắt giữa đường cao tốc với Tỉnh lộ 522) rất thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa, phát triển kinh tế xã hội- khoa học kỹ thuật và phát triển đô thị.

b. Tính chất của đô thị:

Là đô thị được xác định nằm trong mạng lưới đô thị tỉnh Thanh Hóa. Là trung tâm, động lực của vùng kinh tế Tây Bắc huyện Hà Trung, tương lai trở thành

thị trấn thuộc huyện.

Là đô thị dịch vụ, du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái, gắn với bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn); Là đô thị vệ tinh của Vùng và thị xã công nghiệp Bim Sơn

Đánh giá chỉ tiêu về vị trí và tính chất của đô thị đạt 3,5/5,0 điểm.

Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội (Đạt 9,0/10 điểm).

– Tổng thu ngân sách năm 2013 đạt: 10.540.296.463 đ. đạt 103,6% so với dự toán. Trong đó: Thu tại địa bàn: 3.040.931.721đ.

Đánh giá đạt tối đa: 2/2 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 21 đến - 30 tỷ đồng).

– Tổng chi ngân sách năm 2013 đạt: 9.989.496.765 đ .đạt 98,6% so với dự toán. Trong đó chi đầu tư phát triển: 5.098.617.000 đ

Cân đối thu chi ngân sách (chi thường xuyên) năm 2013 trên địa bàn xã là: cân đối dư. *Đánh giá đạt tối đa: 1,5/1,5 điểm.*

– Thu nhập bình quân đầu người năm 2013 đạt 23,1 triệu đồng/ người, tương đương với 1.093 (USD/người), trong khi đó thu nhập bình quân cả nước là 1.275 (USD/người). Như vậy bằng 0.857 lần so với cả nước.

Đánh giá đạt 2/2 điểm. (Yêu cầu tối thiểu của đô thị loại V là từ 0,35 đến 0,5 lần so với thu nhập bình quân đầu người cả nước).

– Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất: 15,1%;

Đánh giá đạt 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V, từ 4,5 đến $\geq 5\%$).

– Tỷ lệ các hộ nghèo toàn xã năm 2013 là: 8,8 %.

– Tỷ lệ các hộ nghèo khu trung tâm xã Hà Long là: 9,1%

Đánh giá đạt 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V, từ 25 $\geq 7\%$).

– Tỷ lệ tăng dân số hàng năm: 0,65%.

Đánh giá đạt 0,0/1 điểm. (Yêu cầu đối với đô thị loại V phải đạt từ 1,2 đến trên 1,3%).

4.3. Tiêu chuẩn 2: Dân số toàn đô thị (đạt 8,69/10,0 điểm).

– Dân cư toàn xã Hà Long theo số liệu thống kê năm 2013: 9.656 người

– Số lượng dân cư tại khu trung tâm xã Hà Long: **8,231 người.**

Đánh giá đạt 1,46/2 điểm. (Yêu cầu đối với đô thị loại V phải đạt tối thiểu là 4.000 người, tối đa là 50.000 người đạt từ 1,4-2 điểm).

– Dân số toàn xã năm 2013 là: **9,656 người.**

– Dân số đô thị khu trung tâm xã Hà Long: **8,231 người.**

Đánh giá đạt 3,23/4 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V là từ 1.600 - 20.000 người)

- Tỷ lệ đô thị hóa của đô thị (T) được tính theo công thức sau:

$$T = \frac{N_n}{N} \times 100$$

Trong đó:

+ T : Tỷ lệ đô thị hoá (%);

+ N_n : Tổng dân số các khu vực tập trung dân cư trong địa giới hành chính của đô thị (người);

+ N: Dân số toàn đô thị (người)

Toàn bộ khu trung tâm xã Hà Long sẽ hình thành thị trấn trong tương lai.

- Do đó, tỷ lệ đô thị hoá của xã Hà Long sẽ là: $(8,231/8,231) \times 100\% = 100\%$
Đánh giá đạt 4/4 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V từ 40-70%).

4.4. Tiêu chuẩn 3: Mật độ dân số đô thị (đạt 0/5,0 điểm).

Mật độ dân số đô thị phản ánh mức độ tập trung dân cư của khu vực tập trung dân cư, được tính theo công thức sau: $D = \frac{N_1}{S}$

Trong đó:

+ D: Mật độ dân số trong khu vực tập trung dân cư (người/km²)

+ N_1 : Dân số khu vực tập trung dân cư đã được tính quy đổi (người)

+ S: Diện tích đất xây dựng đô thị trong khu vực tập trung dân cư không bao gồm các diện tích đất tự nhiên như núi cao, mặt nước, không gian xanh (vùng sinh thái, khu dự trữ thiên nhiên được xếp hạng về giá trị sinh học,...) và các khu vực cấm không được xây dựng (km²).

Từ công thức trên, mật độ dân số 8.231 người trong khu trung tâm xã Hà Long 6,72 km² (Đã được phê duyệt QHC) được tính như sau:

$$8.231/6.72 = 1225 \text{ (người/km}^2\text{)}.$$

Đánh giá đạt 0/5 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 2.000-4.000 người/km²)

4.5. Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (đạt 5,0/5,0 điểm).

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu trung tâm xã Hà Long được tính theo công thức sau:

$$K = \frac{E_0}{E_t} \times 100$$

Trong đó:

+ K : Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực đô thị (%).

+ E_o : Số lao động phi nông nghiệp trong khu vực tập trung dân cư (người).

+ E_i : Số lao động làm việc ở các ngành kinh tế trong khu vực tập trung dân cư (người).

Từ công thức trên, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu trung tâm xã Hà Long được tính như sau:

Dân số trong độ tuổi lao động 4.609 người. Trong đó lao động phi nông nghiệp là 3.447 người lao động.

Do đó, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu trung tâm xã Hà Long là:

$$K = (3.447/4.609) \times 100 = 75\%$$

Đánh giá đạt tối đa 5/5 điểm. (tỷ lệ đô thị loại V từ 65% đến trên 70%).

4.6. Tiêu chuẩn 5: Hệ thống công trình hạ tầng đô thị (41.83/55)

Tiêu chuẩn về nhà ở: Đạt 10/10 điểm.

– Diện tích sàn nhà ở bình quân khu trung tâm xã Hà Long:

+ Tổng diện tích sàn nhà ở khu trung tâm xã Hà Long là: 44.360 m².

+ Dân khu trung tâm xã Hà Long: 8.231 người.

Do đó, diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu trung tâm xã Hà Long là: $(44.360/8.231) = 5,39$ (m² sàn/người).

Đánh giá đạt 5/5 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 12 đến trên 15m² sàn/người).

– Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố cho khu trung tâm xã Hà Long: **100%**

+ Tổng số hộ dân cư trong khu trung tâm xã Hà Long là : 1.877 hộ.

+ Tổng số hộ có nhà ở kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố của khu vực là: 1.877 hộ.

Do đó, tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố cho khu trung tâm xã Hà Long là $1.877/1.877 = 100\%$ So với tổng quỹ nhà

Đánh giá đạt 5/5 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V là từ 50 đến trên 60%).

Tiêu chuẩn về công trình công cộng cấp khu ở : Đạt 6,1/10 điểm.

– Đất xây dựng công trình công cộng phục vụ cấp khu ở khu trung tâm xã Hà Long là : 60.000 m² , bao gồm :

+ Cơ sở giáo dục : Mẫu giáo, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

+ Các trung tâm văn hóa phục vụ cấp khu ở như nhà văn hóa khu phố, nhà văn hóa xã, bưu điện văn hóa, thư viện.v.v...

+ Công trình dịch vụ thương mại phục vụ cấp khu ở.

+ Công trình thể dục thể thao cấp khu ở : sân bóng đá mini, sân cầu lông,

sân bóng chuyên v.v...

+ Cơ sở y tế khu phố, xã.

Bình quân diện tích công trình công cộng phục vụ cấp khu ở cho dân số tại khu trung tâm xã Hà Long đã tính quy đổi $60.000/8231 = 7,28 \text{ m}^2/\text{người}$

Đánh giá đạt 1,5/1,5 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 1,0 đến trên 1,5 $\text{m}^2/\text{người}$).

- Chỉ tiêu đất dân dụng hiện có trong khu trung tâm xã Hà Long: 65,62 ha, bao gồm : Đất khu ở, đất công trình công cộng cấp khu ở, đất công trình công cộng cấp đô thị, đất cây xanh - thể dục thể thao, đất giao thông khu vực tập trung dân cư.

Do đó, bình quân diện tích đất dân dụng t khu trung tâm xã Hà Long đã tính quy đổi là: $72,9 \text{ m}^2/\text{người}$

Đánh giá đạt 1,35/1,5 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 61 đến trên 78 $\text{m}^2/\text{người}$).

- Đất xây dựng các công trình công cộng phục vụ cấp đô thị. Trong đó, diện tích xây dựng các công trình công cộng phục vụ cấp đô thị trong khu trung tâm xã Hà Long là: 60.000 M², bao gồm :

+ Các trung tâm văn hóa phục vụ cấp đô thị : nhà hát, rạp chiếu phim, thư viện, bảo tàng.v.v...

+ Công trình dịch vụ thương mại phục vụ cấp đô thị: Chợ, trung tâm thương mại.

+ Công trình thể dục thể thao cấp đô thị: sân bóng xã, nhà thi đấu.v.v...

+ Cơ sở y tế cấp huyện trở lên, cơ sở y tế chuyên sâu.

Do đó, bình quân diện tích đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị là: $60.000/8231 = 7,28$

Đánh giá đạt 1,5/1,5 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 3 đến trên 3,5 $\text{m}^2/\text{người}$).

- Hệ thống cơ sở y tế (Trung tâm y tế chuyên sâu, bệnh viện đa khoa, chuyên khoa các cấp huyện, tỉnh):

+ Số cơ sở y tế trên địa bàn xã Hà Long hiện chỉ có 1 trạm y tế xã và một số nhà thuốc tư nhân.

+ Tổng số giường bệnh phục vụ là : 15 (giường).

Do đó, bình quân số giường bệnh phục vụ cho dân số toàn đô thị là:

$$15/9,56 = 1,5$$

Đánh giá đạt 1/1,5 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 1,5 đến trên 2 giường/1000 dân).

- Cơ sở giáo dục đào tạo (trung tâm hướng nghiệp dạy nghề,):

Hiện tại đang dự kiến xây dựng 01 cơ sở giáo dục hướng nghiệp trên địa bàn
Đánh giá đạt 0,7/1 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V, có dự án đến trên 1 cơ sở).

- Trung tâm văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hoá):

Hiện tại khu trung tâm xã Hà Long đã có 02 điểm sinh hoạt văn hóa (nhà văn hóa trung tâm, sân vận động trung tâm) là địa điểm tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa của người dân

Đánh giá đạt 1/1 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 1 đến trên 2 công trình).

- Trung tâm thể dục thể thao (sân vận động, nhà thi đấu, câu lạc bộ): khu trung tâm xã Hà Long đã có sân thể thao trung tâm xã phục vụ nhu cầu của nhân dân tại xã và các sân công cộng trong nhà văn hóa thôn xóm.

Đánh giá đạt 1/1 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 1 đến trên 2 công trình).

- Trung tâm thương mại - dịch vụ (chợ, siêu thị, cửa hàng bách hoá):

+ Số công trình thương mại - dịch vụ có: khu trung tâm xã Hà Long có 01 công trình có quy mô đạt chuẩn nằm trong khu vực tập trung dân cư là chợ trung tâm và một số điểm doanh nghiệp tư nhân

Đánh giá đạt tối đa 1/1 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 1 đến trên 2 công trình).

Tiêu chuẩn hệ thống giao thông : Đạt 4,8/10 điểm.

- Đầu mối giao thông (Cảng hàng không - sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách): Là đầu mối giao thông cấp tiểu vùng có tỉnh lộ 522, đường bộ cao tốc Bắc Nam, dự kiến đầu tư có điểm giao cắt giữa đường cao tốc với Tỉnh lộ 522

Đánh giá đạt 2/2 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V cấp Tiểu vùng đạt 2,0 điểm hoặc cấp huyện đạt 1,4 điểm).

Tổng chiều dài các tuyến giao thông khu trung tâm xã Hà Long: 54.464 m, trong đó có 2 tuyến đường chính trong khu được trải nhựa, tổng chiều dài 3695 m, các tuyến giao thông nội bộ đang được bê tông hóa, do đặc thù là điểm dân cư đô thị hóa nên các tuyến giao thông còn nhỏ.

- Tỷ lệ đất giao thông khu trung tâm xã Hà Long so với đất xây dựng trong khu trung tâm xã Hà Long là 4,17%. Trong đó :

+ Tổng diện tích đất giao thông trong khu trung tâm xã Hà Long là 0,28 km²

+ Tổng diện tích đất xây dựng khu trung tâm xã Hà Long: 6,72 km²

Đánh giá đạt 0/2 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 11 đến trên 16 %).

- Mật độ đường chính trong khu trung tâm xã Hà Long Trong đó:

+ Tổng chiều dài các tuyến đường chính trong khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long là: 54,64 km.

+ Tổng diện tích đất xây dựng khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long: 6,72 km²

Do đó, mật độ lưới đường chính trong khu trung tâm xã Hà Long là:

$$54,64/6,72= 8,1 \text{ km/km}^2$$

Đánh giá đạt 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V từ 6 đến trên 8 km/km²).

- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng:

+ Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 2,5 %.

Đánh giá đạt 2/2 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 1 đến trên 2%).

- Chỉ tiêu đất giao thông tại khu trung tâm xã Hà Long:

+ Tổng diện tích đất giao thông khu trung tâm xã Hà Long là: 280.000 m²

Do đó, chỉ tiêu đất giao thông đô thị cho dân số khu trung tâm xã Hà Long đã tính quy đổi là:

$$280000/8.231=34 \text{ m}^2/\text{người}$$

Đánh giá đạt 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V từ 5 đến trên 7 m²/người đạt từ 1,4-2,0 điểm).

Tiêu chuẩn về cấp nước : Đạt 3,5/5 điểm.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Hà Long:

+ Hiện nay trên địa bàn xã Hà Long hầu hết các hộ dân đang sử dụng nước giếng khoan hợp vệ sinh, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của dân cư khu vực.

Do đó, tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt cho khu trung tâm xã Hà Long đã tính quy đổi đạt 90 (lít/người/ngày.đêm).

Đánh giá đạt 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V từ 80 đến trên 90 lít/người/ng.đêm).

- Tỷ lệ dân số khu vực hiện hữu được cấp nước sạch

+ Tổng số hộ dân cư trong khu trung tâm xã Hà Long là: 1.877 hộ.

+ Tuy nhiên hiện tại dân cư trong khu trung tâm xã Hà Long chưa có hệ thống cấp nước sạch tập trung

Do đó, tỷ lệ dân số khu trung tâm xã Hà Long được cấp nước sạch không đáp ứng theo tiêu chí.

Đánh giá đạt 0/1,5 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 50 đến trên 55 %).

- Tỷ lệ nước thất thoát: Do hiện nay trên địa bàn xã Hà Long hầu hết các hộ gia đình sử dụng giếng khoan, nên không thể xem xét đánh giá đối với chỉ tiêu thất thoát nước trên địa bàn.

Đánh giá đạt 0/1,5 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 25 đến dưới 20%).

Tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước: Đạt 0/6 điểm.

+ Xã chưa có đường cống thoát nước.

Đánh giá đạt 0/2 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 2,5 đến trên 3 km/km²).

– Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý:

Hiện tại, Hà Long chưa có công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

Đánh giá đạt 0/2 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 10 đến trên 20% đạt từ 1,4-2,0 điểm).

– Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải : Các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải đạt 40%.

Đánh giá đạt 1,4/2 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 40 đến 60% đạt từ 1,4-2,0 điểm).

Tiêu chuẩn về hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng : Đạt 1,88/4 điểm.

Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực tập trung dân cư (kwh/người/năm):

+ Tổng điện năng tiêu thụ tại xã Hà Long trong năm 2013 là: 3.186.480 (kwh/năm). (không tính điện cơ quan, tổ chức).

Do đó, tiêu chuẩn về cấp điện sinh hoạt khu vực tập trung dân cư tính cho dân số khu trung tâm xã Hà Long đã được tính quy đổi là: 330 (kwh/người/năm).

Đánh giá đạt là 2,58/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V từ 250 đến trên 350 kw/người/năm).

– Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng trong khu trung tâm xã Hà Long là: 25%.

Đánh giá đạt 0/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V từ 80 đến 90%).

– Tỷ lệ ngõ hẻm chính được chiếu sáng là 50%.

Đánh giá đạt 0,7/1 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại V từ 50 đến 70%).

Tiêu chuẩn về hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông : Đạt 2/2 điểm.

– Số thuê bao điện thoại bình quân/ số dân (máy/100 dân):

+ Tổng số thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông trên địa bàn Hà Long là 772 máy. Do đó, chỉ tiêu số thuê bao điện thoại bình quân khu trung tâm xã Hà Long là: 8 (máy/100 dân).

Đánh giá đạt 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V từ 5 đến 8 máy/100 dân).

Tiêu chuẩn về cây xanh, thu gom xử lý chất thải và nhà tang lễ :

Đất cây xanh khu trung tâm xã Hà Long là: 250.000m²

(Bao gồm đất cây xanh tập trung tại khu trung tâm xã Hà Long, đất cây xanh công viên, tượng đài và một số công trình công cộng).

Do đó, chỉ tiêu diện tích đất cây xanh bình quân theo đầu người:

$$250.000/8231 = 30,37 \text{ (m}^2\text{/người)}$$

Đánh giá đạt 1/1 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 5 đến trên 7 m²/người).

- Đất cây xanh công cộng khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long (m²/người):
+ Tổng diện tích đất cây xanh công cộng khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long rộng là: 250.000 m².

(Bao gồm: đất cây xanh đô thị, cây xanh đường phố, vườn hoa, cây xanh khu vực tập trung dân cư).

Do đó, chỉ tiêu diện tích đất cây xanh toàn xã bình quân theo đầu người:
250.000/8231 = 30,37 (m²/người)

Đánh giá đạt 2/2 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 3 đến trên 4 m²/người).

Tỷ lệ chất thải rắn khu trung tâm xã Hà Long được thu gom: Hiện nay với phong trào vệ sinh môi trường được phát động, khu trung tâm xã Hà Long các hộ dân đã tự thu gom, phân loại và xử lý rác thải hợp vệ sinh tại gia đình.

+ Tổng khối lượng chất thải rắn khu trung tâm xã Hà Long là: 1.095 tấn/năm, tương đương tỷ lệ chất thải rắn khu vực tập trung dân cư được thu gom là: 85%.

Đánh giá đạt 2/2 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 60 đến 70%).

- Tỷ lệ chất thải rắn khu trung tâm xã Hà Long được xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt): 60%

Đánh giá được 1,4/2 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 60 đến trên 65%).

- Hiện tại khu trung tâm xã Hà Long đã và đang có dự án xây dựng nhà tang lễ khu vực tập trung dân cư.

Đánh giá được 0,7/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V từ có dự án đến trên 1 nhà tang lễ).

4.7. Tiêu chuẩn 6: Kiến trúc, cảnh quan đô thị (7,4/10)

- Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Hà Long, huyện Hà Trung đến năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đã ban hành các quy định quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Tuy nhiên hiện tại xã chưa xây dựng quy chế quản lý kiến trúc đặc thù.

Đánh giá đạt 0/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V là: Đã có quy chế, thực hiện chưa đạt hoặc đã có quy chế, thực hiện tốt theo quy chế).

- Khu đô thị mới : Trên địa bàn xã đã có dự án khu dân cư đô thị mới

Đánh giá đạt 0,7/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V có dự án hoặc có quy hoạch chung được duyệt).

- Khu cải tạo, chỉnh trang đô thị: có dự án, có quy hoạch chung Đô thị.

Đánh giá đạt 0,7/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V có quy hoạch chung đô thị được duyệt hoặc có dự án).

– Tỷ lệ tuyến phố đạt tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị trên tổng số đường chính khu vực tập trung dân cư: 20% .

Đánh giá đạt 1,4/2 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 5 đến trên 10%).

– Số lượng không gian công cộng của đô thị trên địa bàn xã Hà Long là nhà văn hóa và sân vận động.

Đánh giá đạt 2/2 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V từ 1 đến trên 2 khu).

– Công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hoá lịch sử, di sản đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh: có nhiều di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia và cấp tỉnh (3 di tích cấp quốc gia, 4 di tích cấp tỉnh). Có cảnh quan thiên nhiên đẹp hấp dẫn.

Đánh giá đạt 1/1 điểm.(Yêu cầu của đô thị loại V: Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp tại địa phương công nhận hoặc Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp hoặc các tổ chức quốc tế công nhận đạt cấp Quốc tế/ Quốc gia).

– Tỷ lệ các công trình di sản, văn hoá lịch sử và kiến trúc tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo (%): 60%

Đánh giá đạt 1/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại V từ 25 đến 35%).

4.8. Tổng hợp đánh giá các tiêu chuẩn

4.8.1. Tổng hợp các tiêu chuẩn phân loại đô thị

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng với đô thị loại V	Điểm trong ứng với chỉ tiêu	Hiện trạng đô thị	Chấm điểm
Tổng cộng						75.42
I	Chức năng đô thị		15			12.50
1	Vị trí và tính chất của đô thị	Là đô thị thuộc huyện, trung tâm tổng hợp cấp huyện; hoặc đô thị trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương		5		3.50
		Là đô thị thuộc huyện, trung tâm chuyên ngành cấp huyện, trung tâm tổng hợp cấp tiểu vùng		3.5	Đạt	
2	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	tỷ đồng/năm	10	2	10.54	2.00
			7	1.4		
3	Cân đối thu chi ngân sách	Dư		1.5	Dư	1.50
		Đủ		1		

4	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	lần	0.5	2	0.85	2.00
			0.35	1.4		
5	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	5	2	15.1	2.00
			4.5	1.4		
6	Tỷ lệ hộ nghèo	%	17	1.5	8.8	1.50
			25	1		
7	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	%	1.3	1	0.65	0.00
			1.2	0.7		
II	Quy mô dân số toàn đô thị		10			8.69
1	Dân số toàn đô thị	1.000 người	50	2	8.231	1.46
			4	1.4		
2	Dân số nội thị	1.000 người	20	4	8.231	3.23
			1.6	2.8		
3	Tỷ lệ đô thị hóa	%	70	4	100	4.00
			40	2.8		
III	Mật độ dân số		5			0.00
1	Mật độ dân số đô thị	người/km ²	4000	5	1225	0.00
			2000	3.5		
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp		5			5.00
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	5	75	5.00
			65	3.5		
V	Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị		55			41.83
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực nội thị	m ² /người	15	5	20	5.00
			12	3.5		
2	Tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị	%	60	5	100	5.00
			50	3.5		
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở tính đối với khu vực nội thị	m ² /người	1.5	1.5	7.28	1.50
			1	1		
4	Chỉ tiêu đất dân dụng đối với khu vực nội thị	m ² /người	78	1.5	72.9	1.35
			61	1		
5	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị trong khu vực nội thị	m ² /người	3.5	1.5	7.28	1.50
			3	1		
6	Cơ sở y tế (TT y tế chuyên sâu;	giường/1.00	2	1.5	1.5	1.00

	bệnh viện đa khoa-chuyên khoa các cấp) trong khu vực nội thị	0 dân	1.5	1		
7	Cơ sở giáo dục, đào tạo (đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề) trong khu vực nội thị	cơ sở	1	1	Có dự án	0.70
			Có dự án	0.7		
8	Trung tâm văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hóa) trong khu vực nội thị	công trình	2	1	1	0.70
			1	0.7		
9	Trung tâm TDTT (sân vận động, nhà thi đấu, câu lạc bộ) trong khu vực nội thị	công trình	2	1	2	1.00
			1	0.7		
10	Trung tâm thương mại-dịch vụ (chợ, siêu thị, cửa hàng bách hóa) trong khu vực nội thị	công trình	2	1	2	1.00
			1	0.7		
11	Đầu mối giao thông (cảng hàng không-sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách)	cấp	Tiểu vùng	2	Tiểu vùng	2.00
			Huyện	1.4		
12	Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị	%	16	2	4.17	0.00
			11	1.4		
13	Mật độ đường trong khu vực nội thị (tính đến đường có chiều rộng đường đô $\geq 11,5m$)	km/km ²	8	2	8,1	2.00
			6	1.4		
14	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	2	2	2.5	2.00
			1	1.4		
15	Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /người	7	2	34	2.00
			5	1.4		
16	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực nội thị	lít/người /ngày đêm	90	2	90	2.00
			80	1.4		
17	Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch	%	55	1.5		0.00
			50	1		
18	Tỷ lệ nước thất thoát	%	20	1.5		0.00
			25	1		
19	Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị	km/km ²	3	2		0.00
			2.5	1.4		
20	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý	%	20	2		0.00
			10	1.4		
21	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải	%	60	2	40	1.40
			40	1.4		
22	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu	kWh/người/	350	2	330	1.88

	vực nội thị	<i>năm</i>	250	1.4		
23	Tỷ lệ đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng	%	90	1	25	0.00
			80	0.7		
24	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng	%	70	1	50	0.70
			50	0.7		
25	Số thuê bao điện thoại bình quân/số dân	<i>máy/100 dân</i>	8	2	76	2.00
			5	1.4		
26	Đất cây xanh đô thị	<i>m²/người</i>	7	1	30.37	1.00
			5	0.7		
27	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị	<i>m²/người</i>	4	2	30.37	2.00
			3	1.4		
28	Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom	%	70	2	85	2.00
			60	1.4		
29	Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt)	%	65	2	60	1.40
			60	1.4		
30	Số nhà tang lễ khu vực nội thị	<i>nhà</i>	1	1	Có dự án	0.70
			Có dự án	0.7		
VI	Kiến trúc, cảnh quan đô thị		10			7.40
1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị		Đã có quy chế từng khu vực, thực hiện tốt theo quy chế		Chưa có	0.00
			Đã có quy chế từng khu vực, thực hiện chưa đạt			
2	Khu đô thị mới	<i>khu</i>	Có dự án	1	Đạt	0.70
			Có quy hoạch chung đô thị được duyệt	0.7		
3	Khu cải tạo, chỉnh trang đô thị	<i>khu</i>	Có dự án	1	Đạt	0.70
			Có quy hoạch chung đô thị được duyệt	0.7		
4	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị / tổng số đường chính khu vực nội thị	%	10	2	20	2.00
			5	1.4		
5	Số lượng không gian công cộng của đô thị	<i>khu</i>	2	2	2	2.00
			1	1.4		

6	Có công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hóa lịch sử, di sản	Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp hoặc các tổ chức quốc tế công nhận đạt cấp Quốc tế/Quốc gia		1	Đạt	1.00
		Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp tại địa phương công nhận		0.7	Đạt	
7	Tỷ lệ các công trình di sản, văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo	%	35	1	60	1.00
			25	0.7		
Tổng cộng						75.42

Từ cách phân tích, đánh giá trên, đô thị Hà Long đã đạt được những kết quả tổng quan các lĩnh vực Kinh tế, xã hội và kết cấu hạ tầng. Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị và các tiêu chuẩn tại và thông tư số 34/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị. Trong đó:

- Tiêu chuẩn 1: Chức năng đô thị đạt **12,5/15 điểm.**
- Tiêu chuẩn 2: Quy mô dân số toàn đô thị đạt **8,69/10 điểm.**
- Tiêu chuẩn 3: Mật độ dân số đạt **0/ 5 điểm.**
- Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt **5/5 điểm.**
- Tiêu chuẩn 5: Hệ thống công trình hạ tầng đô thị đạt **41,83/55 điểm.**
- Tiêu chuẩn 6: Kiến trúc cảnh quan đô thị đạt **7,4/10 điểm.**

Tổng cộng số điểm đạt được theo 6 tiêu chuẩn đạt 75,42/100 điểm.

Về cơ bản khu trung tâm xã Hà Long đạt các tiêu chuẩn quy định đối với đô thị loại V của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị. Tuy nhiên còn hạn chế về yếu tố dân số, cơ sở hạ tầng đầu tư xây dựng cơ bản còn chưa được hoàn chỉnh. Để khắc phục những tồn tại trên, trong những năm tới xã sẽ tiếp tục tập trung cao độ cho phát triển kinh tế, chú trọng thu hút đầu tư, thu hút lao động và nguồn nhân lực, phát triển tiềm năng du lịch, dịch vụ, quản lý tốt quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng bằng việc thực hiện hiệu quả một số biện pháp đẩy mạnh xây dựng phát triển đô thị nhằm phấn đấu đưa khu trung tâm xã Hà Long đạt vững chắc đô thị loại V, tạo tiền đề xây dựng khu trung tâm xã Hà Long thành thị trấn trực thuộc huyện Hà Trung trong tương lai và hướng tới vai trò đô thị phụ trợ cho các đô thị động lực Vùng phía Bắc tỉnh Thanh Hóa.

Góp phần vào quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng của tỉnh Thanh Hóa và Việt Nam.

CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

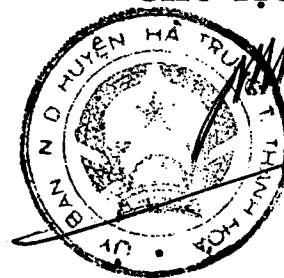
Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP. Khu trung tâm xã Hà Long hiện nay đã hội tụ đủ các tiêu chí của đô thị loại V và xét theo các tiêu chí nâng loại đô thị, khu trung tâm xã Hà Long đạt **75,42 điểm**. Tuy nhiên còn tồn tại một số chỉ tiêu về tỷ lệ đất giao thông, điện chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường đang ở mức thấp so với tiêu chuẩn.

Để tạo điều kiện cho xã phát triển với chất lượng đô thị ngày càng cao hơn UBND huyện Hà Trung xin kiến nghị.

UBND tỉnh Thanh Hóa quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách, vốn đầu tư đặc biệt là vốn đầu tư về hạ tầng kỹ thuật để tăng cường cho xã Hà Long đạt được đồng bộ các tiêu chí đô thị loại V trong tương lai; Sở Xây dựng Thanh Hóa tổ chức thẩm định đề án đề nghị công nhận trung tâm xã Hà Long đạt tiêu chuẩn đô thị loại V trực thuộc huyện Hà Long.

HĐND tỉnh thông qua và UBND tỉnh Quyết định công nhận trung tâm xã Hà Long đạt tiêu chuẩn đô thị loại V trực thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. / *ch*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 12 năm 2014

Số: 7069 /SXD-QH

V/v thẩm định Đề án đề nghị
công nhận trung tâm xã Hà
Long, huyện Hà Trung đạt tiêu
chuẩn đô thị loại V.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Thông báo số 184/TB-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh về việc kết luận của Phó Chủ tịch Nguyễn Ngọc Hồi tại cuộc họp nghe báo cáo Đề án đề nghị công nhận trung tâm xã Hà Long, huyện Hà Trung; trung tâm xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. UBND huyện Hà Trung đã hoàn chỉnh đề án đề nghị công nhận trung tâm xã Hà Long, huyện Hà Trung đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, gửi Sở Xây dựng. Sau khi thẩm định hồ sơ, Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh thông qua, nội dung cụ thể như sau:

A. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ.

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị;
- Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;
- Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 10/01/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015 đạt tỷ lệ đô thị hóa 25%;
- Quyết định số 3477/QĐ - UBND ngày 4/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

B. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN.

Việc đánh giá, xếp loại đô thị được thực hiện theo phương pháp tính điểm, tùy theo mức độ và tầm quan trọng khác nhau, các tiêu chuẩn phân loại đô thị được xác định một tỷ trọng tương ứng với số điểm để đánh giá, xếp loại đô thị. Từng chỉ tiêu được tính điểm theo phương pháp nội suy trong khoảng giữa mức quy định tối đa và tối thiểu; không tính ngoại suy khi vượt quá mức quy định tối đa và tính điểm 0 cho các chỉ tiêu không đạt mức quy định tối thiểu. Sau khi đối chiếu, rà soát lại các số liệu có liên quan và xem xét ý kiến tham gia của các đơn vị liên quan, Sở Xây dựng trình UBND tỉnh về nội dung đánh giá theo tiêu chuẩn phân loại đô thị, nội dung cụ thể như sau:

I. Về sự cần thiết.

- Xã Hà Long nằm về phía Tây Bắc huyện Hà Trung, cách trung tâm thị trấn huyện lỵ khoảng 15km, có vị trí thuận lợi, nằm trên trục đường tỉnh lộ 522 và đường bộ cao tốc xuyên Việt (dự kiến) chạy qua, thuận tiện cho việc giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội của vùng - huyện - tỉnh và quốc gia;

- Nhằm cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Hà Trung đến năm 2020; Đồ án quy hoạch chung đô thị mới Hà Long, huyện Hà Trung đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3477/QĐ - UBND ngày 4/10/2013; Đồ án xây dựng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến 2025 đạt mục tiêu đô thị hóa 25%; xây dựng đô thị mới Hà Long đạt các tiêu chí đô thị loại V, đô thị Dịch vụ – Du lịch văn hóa lịch sử, sinh thái, gắn với việc bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn) và là đô thị vệ tinh của thị xã công nghiệp Bim Sơn;

- Khai thác tiềm năng lợi thế hiện có, gắn với tiềm năng của vùng, xây dựng đô thị Hà Long thành một điểm kinh tế động lực phía Tây Bắc của huyện Hà Trung, gắn với yêu cầu phát triển của vùng, tạo hướng đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng đô thị gắn với phát triển mô hình nông thôn mới, theo hướng văn minh hiện đại;

- Việc lập đề án công nhận khu vực trung tâm xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại V phù hợp với định hướng phát triển đô thị của tỉnh, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hà Trung; là cơ sở xây dựng, hình thành thị trấn Hà Long trong tương lai.

II. Về đánh giá theo 6 tiêu chuẩn đô thị loại V.

1. Chức năng đô thị (đạt 12,5 / 15,0 điểm):

a) Vị trí và tính chất của đô thị (đạt 3,5 / 5,0 điểm):

- Là đô thị được xác định nằm trong hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa; là trung tâm, động lực của vùng kinh tế Tây Bắc huyện Hà Trung, tương lai trở thành thị trấn thuộc huyện;

- Là đô thị dịch vụ, du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái, gắn với bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn); là đô thị vệ tinh của Vùng và thị xã công nghiệp Bim Sơn.

b) Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội của đô thị (Đạt 9,0 / 10,0 điểm):

- Tổng thu ngân sách năm 2013 đạt 10,54 tỷ đồng;

- Tổng chi ngân sách năm 2013 đạt 9,99 tỷ đồng;

- Cân đối thu chi ngân sách (chi thường xuyên) năm 2013 trên địa bàn xã là cân đối dư;

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2013 đạt 23,1 triệu đồng / người, tương đương với 1.093 (USD / người), so với thu nhập bình quân cả nước là 1.275 (USD / người), bằng 0.857 lần so với cả nước;

- Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất 15,1%;

- Tỷ lệ các hộ nghèo toàn xã năm 2013 là 8,8 %;

- Tỷ lệ tăng dân số hàng năm 0,65%.

2. Tiêu chuẩn quy mô dân số toàn đô thị (đạt 8,69 / 10,0 điểm):

Theo kết quả điều tra dân số năm 2013, quy mô dân số thường trú tại khu vực trung tâm xã Hà Long là 8.231 người;

3. Tiêu chuẩn mật độ dân số (đạt 0,0 / 5,0 điểm):

Mật độ dân số (8.231 người) trong khu vực trung tâm xã là (6,72 km²) là 1225 (người/km²).

4. Tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (đạt 5,0 / 5,0 điểm):

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực trung tâm xã là 75%.

5. Tiêu chuẩn hệ thống công trình hạ tầng đô thị (41,83 / 55,0 điểm):

- Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực trung tâm xã đạt 20 m² sàn/người;
- Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố cho khu vực trung tâm xã là 100%;
- Bình quân diện tích công trình công cộng phục vụ cấp khu ở cho dân số tại khu vực trung tâm xã đã tính quy đổi $60.000 / 8.231 = 7,28$ m²/người;
- Bình quân diện tích đất dân dụng trong khu vực trung tâm xã là 72,9 m²/người;
- Bình quân số giường bệnh phục vụ cho toàn xã là 1,5 giường/1000 dân;
- Hiện tại xã Hà Long đang dự kiến xây dựng 01 cơ sở giáo dục hướng nghiệp trên địa bàn;

- Xã Hà Long đã có 02 điểm sinh hoạt văn hóa (nhà văn hóa trung tâm, sân vận động trung tâm) là địa điểm tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa của người dân; Trung tâm thể dục thể thao (sân vận động, nhà thi đấu, câu lạc bộ): Trên địa bàn xã đã có sân thể thao trung tâm xã phục vụ nhu cầu của nhân dân tại xã và các sân công cộng trong nhà văn hóa thôn xóm;

- Số công trình thương mại - dịch vụ có: Trung tâm của xã có 01 công trình có quy mô đạt chuẩn là chợ xã và một số điểm doanh nghiệp tư nhân;

- Xã Hà Long là đầu mối giao thông cấp tiểu vùng có tỉnh lộ 522, đường bộ cao tốc Bắc Nam, dự kiến đầu tư có điểm giao cắt giữa đường cao tốc với Tỉnh lộ 522;

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng trong khu vực trung tâm xã là 4,17%, mật độ lưới đường chính trong khu vực trung tâm xã là: 8,1 km/km²; chỉ tiêu đất giao thông trong khu vực trung tâm xã là 34 m²/người;

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 2,5 %;

- Hiện nay trên địa bàn xã hầu hết các hộ dân đang sử dụng nước giếng khoan hợp vệ sinh, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của dân cư khu vực tính quy đổi đạt 90 (lít/người/ngày.đêm);

- Các hộ dân trong xã chưa được cấp và sử dụng nước sạch;

- Hiện nay trên địa bàn xã hầu hết các hộ gia đình sử dụng giếng khoan, nên không thể xem xét đánh giá đối với chỉ tiêu thất thoát nước trên địa bàn; xã chưa có đường cống thoát nước;

- Các cơ sở mới mới xây dựng có trạm xử lý nước thải đạt 40%;

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực tập trung dân cư 330 (kwh/người/năm);

- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng trong khu vực trung tâm xã là 25%;

- Tỷ lệ ngõ hẻm chính được chiếu sáng là 50%;

- Số thuê bao điện thoại bình quân/ số dân 8 (máy/100 dân);
- Chỉ tiêu diện tích đất cây xanh toàn xã bình quân theo đầu người 30,37 (m²/người);
- Tổng khối lượng chất thải rắn khu vực trung tâm xã là 1.095 tấn/năm, tương đương tỷ lệ chất thải rắn Trung tâm được thu gom là 85%;
- Tỷ lệ chất thải rắn tại khu vực trung tâm xã được xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt) đạt 60%;
- Hiện tại xã Hà Long đã và đang có dự án xây dựng nhà tang lễ Trung tâm.

6. Tiêu chuẩn kiến trúc, cảnh quan đô thị (đạt 7,4 / 10,0 điểm):

- Chỉ tiêu về quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị: Trên địa bàn xã đã xây dựng quy chế xây dựng các thôn văn hóa trong đó có các quy định về thực hiện nếp sống văn minh, đường làng ngõ xóm sạch sẽ, không xây dựng lấn chiếm bảo vệ cảnh quan môi trường;
- Chỉ tiêu về không gian công cộng: Số lượng không gian công cộng của đô thị trên địa bàn xã gồm 2 khu (Nhà văn hóa và sân vận động xã);
- Các chỉ tiêu về công trình kiến trúc tiêu biểu: Công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hoá lịch sử, di sản đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh: có nhiều di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia và cấp tỉnh (3 di tích cấp quốc gia, 4 di tích cấp tỉnh). Có cảnh quan thiên nhiên đẹp hấp dẫn;
- Tỷ lệ các công trình di sản, văn hoá lịch sử và kiến trúc tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo (%): 60%.

Bảng tổng hợp các tiêu chuẩn phân loại đô thị Hà Long theo tiêu chí đô thị loại V

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng với đô thị loại V	Điểm tương ứng với chỉ tiêu	Hiện trạng đô thị	Chấm điểm
Tổng cộng						75,42
I	Chức năng đô thị		15			12.50
1	Vị trí và tính chất của đô thị		Là đô thị thuộc huyện, trung tâm tổng hợp cấp huyện; hoặc đô thị trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương	5		3.50
			Là đô thị thuộc huyện, trung tâm chuyên ngành cấp huyện, trung tâm tổng hợp cấp tiểu vùng	3.5	Đạt	
2	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	<i>tỷ đồng/năm</i>	10	2	10.54	2.00
			7	1.4		
3	Cân đối thu chi ngân sách		Dư	1.5	Dư	1.50
			Đủ	1		
4	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	<i>lần</i>	0.5	2	0.85	2.00
			0.35	1.4		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng với đô thị loại V	Điểm tương ứng với chỉ tiêu	Hiện trạng đô thị	Chấm điểm
5	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	5	2	15.1	2.00
			4.5	1.4		
6	Tỷ lệ hộ nghèo	%	17	1.5	8.8	1.50
			25	1		
7	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	%	1.3	1	0.65	0.00
			1.2	0.7		
II	Quy mô dân số toàn đô thị		10			8.69
1	Dân số toàn đô thị	1.000 người	50	2	8.231	1.46
			4	1.4		
2	Dân số nội thị	1.000 người	20	4	8.231	3.23
			1.6	2.8		
3	Tỷ lệ đô thị hóa	%	70	4	100	4.00
			40	2.8		
III	Mật độ dân số		5			0.00
1	Mật độ dân số đô thị	người/km ²	4000	5	1.225	0.00
			2000	3.5		
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp		5			5.00
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	5	75	5.00
			65	3.5		
V	Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị		55			41.83
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực nội thị	m ² sàn/người	15	5	20	5.00
			12	3.5		
2	Tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị	%	60	5	100	5.00
			50	3.5		
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở tính đối với khu vực nội thị	m ² /người	1.5	1.5	7.28	1.50
			1	1		
4	Chỉ tiêu đất dân dụng đối với khu vực nội thị	m ² /người	78	1.5	72.9	1.35
			61	1		
5	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị trong khu vực nội thị	m ² /người	3.5	1.5	7.28	1.50
			3	1		

HUN
3
UN
H K

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng với đô thị loại V	Điểm tương ứng với chỉ tiêu	Hiện trạng đô thị	Chấm điểm
6	Cơ sở y tế (TT y tế chuyên sâu; bệnh viện đa khoa-chuyên khoa các cấp) trong khu vực nội thị	giường/1.000 dân	2	1.5	1.5	1.00
			1.5	1		
7	Cơ sở giáo dục, đào tạo (đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề) trong khu vực nội thị	cơ sở	1	1	Có dự án	0.70
			Có dự án	0.7		
8	Trung tâm văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hóa) trong khu vực nội thị	công trình	2	1	1	0.70
			1	0.7		
9	Trung tâm TDTT (sân vận động, nhà thi đấu, câu lạc bộ) trong khu vực nội thị	công trình	2	1	2	1.00
			1	0.7		
10	Trung tâm thương mại-dịch vụ (chợ, siêu thị, cửa hàng bách hóa) trong khu vực nội thị	công trình	2	1	2	1.00
			1	0.7		
11	Đầu mối giao thông (cảng hàng không-sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách)	cấp	Tiểu vùng	2	Tiểu vùng	2.00
			Huyện	1.4		
12	Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị	%	16	2	4.17	0.00
			11	1.4		
13	Mật độ đường trong khu vực nội thị (tính đến đường có chiều rộng đường đo \geq 11,5m)	km/km ²	8	2	8,1	2.00
			6	1.4		
14	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	2	2	2.5	2.00
			1	1.4		
15	Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /người	7	2	34	2.00
			5	1.4		
16	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực nội thị	lít/người/ngày đêm	90	2	90	2.00
			80	1.4		
17	Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch	%	55	1.5	0	0.00
			50	1		
18	Tỷ lệ nước thất thoát	%	20	1.5		0.00
			25	1		
19	Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị	km/km ²	3	2		0.00
			2.5	1.4		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng với đô thị loại V	Điểm tương ứng với chỉ tiêu	Hiện trạng đô thị	Chấm điểm
20	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý	%	20	2		0.00
			10	1.4		
21	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải	%	60	2	40	1.40
			40	1.4		
22	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực nội thị	kWh/người/năm	350	2	330	1.88
			250	1.4		
23	Tỷ lệ đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng	%	90	1	25	0.00
			80	0.7		
24	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng	%	70	1	50	0.70
			50	0.7		
25	Số thuê bao điện thoại bình quân/số dân	máy/100 dân	8	2	76	2.00
			5	1.4		
26	Đất cây xanh đô thị	m ² /người	7	1	30.37	1.00
			5	0.7		
27	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị	m ² /người	4	2	30.37	2.00
			3	1.4		
28	Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom	%	70	2	85	2.00
			60	1.4		
29	Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt)	%	65	2	60	1.40
			60	1.4		
30	Số nhà tang lễ khu vực nội thị	nhà	1	1	Có dự án	0.70
			Có dự án	0.7		
VI	Kiến trúc, cảnh quan đô thị		10			7.40
1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị		Đã có quy chế từng khu vực, thực hiện tốt theo quy chế		Chưa có	0.00
			Đã có quy chế từng khu vực, thực hiện chưa đạt			
2	Khu đô thị mới	khu	Có dự án	1	Đạt	0.70
			Có quy hoạch chung đô thị được duyệt	0.7		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng với đô thị loại V	Điểm trong ứng với chỉ tiêu	Hiện trạng đô thị	Chấm điểm
3	Khu cải tạo, chỉnh trang đô thị	khu	Có dự án	1	Đạt	0.70
			Có quy hoạch chung đô thị được duyệt	0.7		
4	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị / tổng số đường chính khu vực nội thị	%	10	2	20	2.00
			5	1.4		
5	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	2	2	2	2.00
			1	1.4		
6	Có công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hóa lịch sử, di sản		Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp hoặc các tổ chức quốc tế công nhận đạt cấp Quốc tế/Quốc gia	1	Đạt	1.00
			Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp tại địa phương công nhận	0.7		
7	Tỷ lệ các công trình di sản, văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo	%	35	1	60	1.00
			25	0.7		
Tổng cộng						75.42

III. Kết luận, kiến nghị.

Qua đánh giá theo các tiêu chuẩn tại Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị và thông tư số 34/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị, khu vực trung tâm xã Hà Long, huyện Hà Trung cơ bản đạt đáp ứng tiêu chí của đô thị loại V với tổng số điểm đạt được là 75.42 điểm (khung điểm quy định là từ 70 ÷ 100 điểm), đảm bảo đủ điều kiện để xét công nhận là đô thị loại V trực thuộc huyện.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng về Đề án đề nghị công nhận khu vực trung tâm xã Hà Long, huyện Hà Trung đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi quyết định công nhận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QH. QTH05b.



Đào Vũ Việt

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /HĐND-CV

Hà Trung, ngày 05 tháng 11 năm 2014

Về việc thống nhất nội dung
Đề án công nhận trung tâm
xã Hà Long trực thuộc huyện
Hà Trung đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

Kính gửi: UBND huyện Hà Trung.

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội khoá XI, kỳ họp thứ 4; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội khoá XII;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị; Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ quyết định số 3023/2006/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 10/01/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015 đạt tỷ lệ đô thị hóa 25%; Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025;

Thực hiện Kết luận số 76/TB-UBND, ngày 03/6/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về thông báo Kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Ngọc Hồi tại cuộc họp báo cáo rà soát đề án xây dựng phát triển hệ thống đô thị Thanh Hóa đến năm 2015.

Để làm cơ sở triển khai hoàn thiện Đề án trình UBND tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt. Sau khi xem xét, thảo luận, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện thống nhất:

- Đồng ý thực hiện Đề án công nhận trung tâm xã Hà Long trực thuộc huyện Hà Trung đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;

- Giao cho Ủy ban nhân dân huyện hoàn thiện đầy đủ thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh (bc);
- TT Huyện Ủy (bc);
- UBND huyện (để thực hiện)
- TT HĐND, UBND xã Hà Long (để thực hiện);
- Lưu: VT,

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Giao

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÀ TRUNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1681/TT-UBND

Hà Trung, ngày 20 tháng 11 năm 2014

TỜ TRÌNH

**Về việc công nhận trung tâm xã Hà Long trực thuộc huyện Hà Trung,
tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.**

Kính gửi: UBND tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị và các quy định hiện hành liên quan; Thông tư số 34/2009/TT - BXD ngày 30/09/2009 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của UBND Chính phủ về phân loại đô thị.

Thực hiện Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 10/01/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án xây dựng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015 đạt mục tiêu đô thị hoá 25%; Quyết định số: 3477/QĐ - UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ kết quả điều tra đánh giá 6 tiêu chuẩn đô thị loại V (theo quy định tại Nghị định 42/2009/NĐ-CP), biên bản lấy ý kiến của nhân dân trong vùng, Nghị Quyết thông qua Đề án của Hội đồng nhân dân xã Hà Long; Nghị Quyết thông qua Đề án của Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện. UBND huyện Hà Trung trình UBND tỉnh công nhận trung tâm xã Hà Long trực thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại V với những nội dung như sau:

1. Tiêu chuẩn chức năng đô thị (đạt 13,5/15 điểm):

a) Vị trí và tính chất của đô thị (đạt 4,5/5,0 điểm)

Đô thị được xác định nằm trong mạng lưới đô thị tỉnh Thanh Hóa là trung tâm, động lực của vùng kinh tế Tây Bắc huyện Hà Trung, tương lai trở thành thị trấn trực thuộc huyện. Phát triển đô thị theo hướng dịch vụ, du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái, gắn với bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn); là đô thị vệ tinh thị xã công nghiệp Bim Sơn.

b) Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội (đạt 9/10 điểm):

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt: 15,1% (KH 15,1%).

Cơ cấu kinh tế:	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản:	33	% (KH: 33)
	- Công nghiệp, xây dựng cơ bản:	24	%(KH: 23)
	- Dịch vụ:	43	%(KH: 44)

Tổng số vốn đầu tư phát triển ước đạt: 104.324 tr.đ

Thu nhập bình quân đầu người ước đạt: 23,1 triệu đồng.

Thu Ngân sách: Thu ngân sách tăng 3% so với chỉ tiêu huyện giao.

Ổn định tỷ lệ phát triển dân số dưới mức 0,65%.



2. Tiêu chuẩn quy mô dân số (đạt 8,69/10,0 điểm):

Theo kết quả điều tra dân số, số lượng dân cư khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long: 8.231 người.

3. Tiêu chuẩn mật độ dân số (đạt 0/5 điểm):

Mật độ dân số 8.231 người trong khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long: 6,72 km² (đã được phê duyệt QHC) là: 1225 (người/km²). (Tiêu chí tối thiểu với đô thị loại V 2000 người/km²).

4. Tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (đạt 3,5/5 điểm):

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực đô thị tập trung Hà Long là: 75%

5. Tiêu chuẩn hệ thống công trình hạ tầng đô thị (42,53/55 điểm):

- Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực tập trung dân cư Hà Long đạt: 20 (m² sàn/người).

- Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố cho khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long: 100%.

- Bình quân diện tích công trình công cộng phục vụ cấp khu ở cho dân số tại khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long đã tính quy đổi $60.000/8.231 = 7,28$ m²/người.

- Bình quân diện tích đất dân dụng trong khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long đã tính quy đổi là: 72,9 m²/người.

- Bình quân số giường bệnh phục vụ cho dân số toàn đô thị là: 1,5 giường/1000 dân.

- Hiện tại xã Hà Long đang dự kiến xây dựng 01 cơ sở giáo dục hướng nghiệp trên địa bàn.

- Xã Hà Long đã có 02 điểm sinh hoạt văn hóa (nhà văn hóa trung tâm, sân vận động trung tâm) là địa điểm tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa của người dân: Trung tâm thể dục thể thao (sân vận động, nhà thi đấu, câu lạc bộ): Trên địa bàn xã Hà Long đã có sân thể thao trung tâm xã phục vụ nhu cầu của nhân dân tại xã và các sân công cộng trong nhà văn hóa thôn xóm.

- Số công trình thương mại - dịch vụ có: khu vực tập trung dân cư của xã có 01 công trình có quy mô đạt chuẩn nằm trong khu vực tập trung dân cư của xã là chợ xã và một số điểm doanh nghiệp tư nhân.

- Xã Hà Long là đầu mối giao thông cấp tiểu vùng có tỉnh lộ 522, đường bộ cao tốc Bắc Nam, dự kiến đầu tư có điểm giao cắt giữa đường cao tốc với Tỉnh lộ 522.

- Tỷ lệ đất giao thông khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long so với đất xây dựng trong khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long là 4,17%, mật độ lưới đường chính trong khu vực tập trung dân cư là: 8,1 km/km². chỉ tiêu đất giao thông đô thị cho dân số khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long đã tính quy đổi là: 34 m²/người.

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 2,5 %.

- Hiện nay trên địa bàn xã Hà Long hầu hết các hộ dân đang sử dụng nước giếng khoan hợp vệ sinh, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của dân cư khu vực tính quy đổi đạt 90 (lít/người/ngày.đêm).

- Tổng số hộ được cấp và sử dụng nước sạch trong khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long là: 1.595 hộ. tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là: 85%.

- Hiện nay trên địa bàn xã Hà Long hầu hết các hộ gia đình sử dụng giếng khoan, nên không thể xem xét đánh giá đối với chỉ tiêu thoát nước trên địa bàn. Xã chưa có đường cống thoát nước.

- Hiện tại chưa có công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực tập trung dân cư: 330 (kwh/người/năm).

- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng trong khu vực tập trung dân cư xã là: 25%.

- Tỷ lệ ngõ hẻm chính được chiếu sáng là 50%.

- Số thuê bao điện thoại bình quân/số dân: 8-(máy/100 dân).

- Chỉ tiêu diện tích đất cây xanh toàn xã bình quân theo đầu người: 30,37 (m²/người).

- Tổng khối lượng chất thải rắn khu vực đô thị tập trung dân cư Hà Long là: 1.095 tấn/năm, trong đó tỷ lệ chất thải rắn khu vực tập trung dân cư được thu gom là: 85%.

- Tỷ lệ chất thải rắn khu vực tập trung dân cư được xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt): 70%.

- Hiện tại xã Hà Long đã và đang có dự án xây dựng nhà tang lễ khu vực tập trung dân cư của xã.

6. Tiêu chuẩn kiến trúc, cảnh quan đô thị (đạt 9,4/10):

Xã Hà Long hiện đã ban hành quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị cho một số khu vực và các tuyến phố chính để quản lý theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Hà Long được duyệt; quy chế xây dựng các thôn văn hóa, trong đó có các quy định về thực hiện nếp sống văn minh, đường làng ngõ xóm xanh sạch đẹp, không xây dựng lấn chiếm bảo vệ cảnh quan môi trường. Hiện đã có dự án đầu tư xây dựng khu dân cư đô thị mới.

- Tỷ lệ tuyến phố đạt tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị trên tổng số đường chính khu vực tập trung dân cư: 20% .

- Số lượng không gian công cộng của đô thị trên địa bàn xã Hà Long là nhà văn hóa và sân vận động.

- Xã có nhiều di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia và cấp tỉnh (3 di tích cấp quốc gia, 4 di tích cấp tỉnh). Có cảnh quan thiên nhiên đẹp hấp dẫn.

- Tỷ lệ các công trình di sản, văn hoá lịch sử và kiến trúc tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo (%): 60%

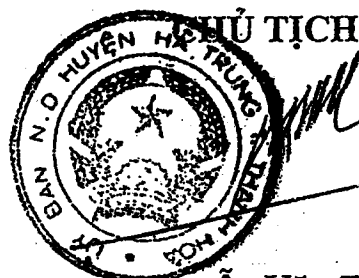
*** Tổng điểm: 79,12/100 điểm.**

(Đánh giá chi tiết các tiêu chí có bảng biểu kèm theo).

Để tiếp tục triển khai thực hiện các bước tiếp theo, UBND huyện Hà Trung kính trình UBND tỉnh phê duyệt công nhận trung tâm xã Hà Long trực thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. / *jm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở xây dựng (để thẩm định);
- Lưu: VT;



Nguyễn Văn Tuấn